

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 - 2024

"Về ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Minh và bà Nguyễn Thị Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đặng Xuân Q, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Khu A, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: Phòng 510 B8, khu chung cư xi măng H, khu 3, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu dân cư C 2, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Đặng Xuân Q và bị đơn bà Đoàn Thị T đều trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà T kết hôn với nhau ngày 29/9/1999, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới ông bà về chung sống với nhau tại xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Đến đầu năm 2001 vợ chồng ông bà mâu thuẫn trầm trọng, bà T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư C 2, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng ông bà ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Ông Q xin ly hôn bà T. Bà T không đồng ý ly

hôn ông Q với lý do: Bà không muốn mang tiếng vợ chồng ly hôn, bản thân bà sống ly thân như hiện nay đã quen và xác định vợ chồng không nhất thiết phải ly hôn, mặt khác ông Q là người sống thiếu trách nhiệm với con cái, không quan tâm đến con cái từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Đặng Xuân P, sinh ngày 29/3/2000. Trường hợp ông bà ly hôn thì đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung vì hiện nay anh P đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường.

Về quan hệ tài sản: Ông Q và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo xác minh tại khu dân cư C 2, phường C, thành phố Chí Linh:* Ông Q và bà T kết hôn năm 1999 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà T sống tại tỉnh Phú Thọ, đến năm 2001 bà T về địa phương sống. Địa phương được biết vợ chồng ông bà có mâu thuẫn nên đã ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Hiện nay bà T đang sống độc thân tại địa phương.

- *Tại phiên tòa:*

Ông Q và bà T đều vắng mặt, ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Xuân Q, cho ông Đặng Xuân Q được ly hôn bà Đoàn Thị T. Về quan hệ con chung: Ông Q và bà T có 01 con chung là Đặng Xuân P, sinh ngày 29/3/2000, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Ông Đặng Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về “Ly hôn”, bị đơn là bà Đoàn Thị T hiện đang cư trú tại: Khu dân cư C 2, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là ông Đặng Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Đoàn Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02

không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Q và bà T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Ông Q và bà T kết hôn với nhau ngày 29/9/1999 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa ông Q và bà T có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình. Từ đó ông bà xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Đến đầu năm 2001 ông bà mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ đó cho đến nay đã hơn 20 năm, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Ông Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà T, còn bà T không đồng ý ly hôn ông Q với lý do: Bà không muốn mang tiếng vợ chồng ly hôn, bản thân bà sống ly thân như hiện nay đã quen và xác định vợ chồng không nhất thiết phải ly hôn; mặt khác, ông Q là người sống thiếu trách nhiệm với con cái, không quan tâm đến con cái từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Việc ông bà không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông Q được ly hôn bà T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Đặng Xuân P, sinh ngày 29/3/2000, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, khi ly hôn ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông Q và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Xuân Q, cho ông Đặng Xuân Q được ly hôn bà Đoàn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Ông Q và bà T có 01 con chung là Đặng Xuân P, sinh ngày 29/3/2000, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Ông Đặng Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Quý đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0003916 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ông Q đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Thị Hậu**